

Vân Đồn – "Kỳ quan đất dựng giữa trời cao"

PGS Chu Quang Trứ



◀ Phong cảnh Hạ Long

Nếu vịnh Hạ Long và một phần vịnh Bái Tử Long đã trở thành Di sản thắng cảnh và địa chất của thế giới, lưu giữ được vẻ đẹp hoang sơ trên các đảo đá và một ít làng chài chuyên sống dưới nước, thì ở phía Đông bắc của Di sản này là vịnh Vân Đồn rộng lớn nằm trong ranh giới bảo vệ quốc gia và cũng có một số đảo nằm trong vùng đệm của khu di sản thế giới.

Ở đây, bên cạnh những đảo hoang rừng vắng là một số đảo đất lẫn đá được con người khai thác trong trường kỳ lịch sử và từng là bộ mặt ngoại thương của dân tộc trong nhiều thế kỷ.

Từ thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã hết lời ca ngợi Vân Đồn:

*Đường đến Vân Đồn lấm núi cao
Kỳ quan đất dựng giữa trời cao
Một vùng biếc sẫm gương lồng bóng
Muôn học xanh om tóc mượt màu
Non biển gợn trong tay vũ trụ
Tìm gan chẳng núng sức ba đào
Trong bờ cây cỏ rờn rờn lục
Nghe đầy người Phiên vũng đỗ tàu*

(Đào Duy Anh dịch)

Trong quá trình lịch sử, trang Vân Đồn được thành lập năm 1149, rồi có lúc là châu, là trấn, là huyện nhưng có lúc chỉ là một tổng. Huyện Vân Đồn thành lập năm 1994 gồm 600 hòn đảo với diện tích 584km², có 33.000 dân phân bố trên 20 đảo.

Vân Đồn hơn đâu hết thực sự là nơi có cả rừng vàng và biển bạc. Từ thời đại đồ đá, con người đã đến đây sinh sống và để lại nhiều chứng tích. Năm 1937 các nhà khảo cổ Pháp đã khai quật hang đá thôn Hà Giắt (nghĩa là thôn Một theo tiếng Việt) trên đảo Cái Bầu, để lại sưu tập 70 hiện vật đồ đá ghè đẽo, có cả bàn mài nhưng không có công cụ mài, năm 1970 điều tra lại có thêm mảnh gốm xốp vỡ. Năm 1964 chúng ta phát hiện ra hang Soi Nhụ trên một hòn đảo nhỏ xã Hạ Long và 3 năm sau tiến hành khai quật, tìm thấy một số mảnh gốm và 10 di vật đá đã mài sơ ở lưỡi, xét nghiệm C.14 cho biết niên đại cách nay chừng 14.000 năm. Như vậy người Soi Nhụ và Hà Giắt đã ở vào thời đại đá mới. Năm 1939 người Pháp phát hiện ra nhiều hiện vật đá mài ở đảo Ngọc Vừng mà họ gọi là "Văn hoá Ngọc Vừng", đến năm 1966 các nhà khảo cổ học Việt Nam đề nghị đổi tên là "Văn hoá Hạ Long" khái quát cho nhiều di chỉ cùng tính chất trên vùng ven biển đông bắc nước ta. Cho đến 1978 đã biết 17 di chỉ văn hoá Hạ Long thuộc giai đoạn cuối thời đồ đá mài với những công cụ đá đã đạt trình độ kỹ thuật cao gồm cả cưa, mài, khoan thuộc nhiều loại hình phong phú (rìu, bôn, đục, bàn mài, vòng đeo) và những đồ gốm thô có hoa văn đơn giản. Ngoài ra trên đảo Cái Bầu còn tình cờ phát hiện một số chài lưới đất nung, bôn và rìu. Một số hiện vật khai quật ở đảo Ngọc Vừng lại tương đồng với di vật thuộc văn hoá Phùng Nguyên, để từ đó đoán định niên đại cách nay 3000 – 3500 năm. Thậm chí vẫn ở di chỉ Ngọc Vừng còn tìm thấy 1 chiếc thؤổng đồng.

Khi lịch sử sang trang bất hạnh thì Vân Đồn cũng sớm bị phong kiến Hán chiếm và thực hiện chính sách đồng hoá nghiệt ngã. Nhưng chính ở đây chúng lại bị cảm hoá bởi sức mạnh văn hoá Đông Sơn của người Việt. Trong những ngôi mộ Hán ở Đá Bạc, bên cạnh rất nhiều đồ của quý tộc Hán bằng vàng, bạc, đồng, đá quý, sắt, sứ... còn có chiếc trống chạu: để ngừa nó là chiếc chạu đồng Hán, nhưng vì đáy lồi nên luôn bị cập kênh; còn nếu để úp nó là chiếc trống Đông Sơn với hình mặt trời 7 tia ở giữa, xung quanh là hình 18 người hoá trang chim (từng cặp ở trống Hữu Chung) được thể hiện với sự trùu tượng hoá cao, trên thân trống cũng còn những tổ hợp hình người chim nữa. Rõ ràng văn hoá Đông Sơn đã được quý tộc Hán yêu thích và tiếp nhận, gắn bó với người chết như vật thiềng.

Vùng Vân Đồn với những chuỗi đảo chạy dài ven biển tạo nên những lạch nước sâu, rộng và lặng sóng được gọi là sông mang, sông Cống Đồng... thuận tiện cho thông thương chẳng những với phương Bắc mà còn rẽ ngang ra biển đông để đến với cả khu vực. Vì thế, ngay sau khi đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập, nhà tiền Lê và nhà Lý đã tạo được ở đây đường thủy buôn bán với châu Khâm và châu Liêm của Trung Quốc, rồi từ năm 1149 thì thuyền buôn các nước Trảo Oa, Lộ Lạc và Xiêm trong khu vực Đông Nam Á đã xin dừng ở Vân Đồn để "mua hàng quý và dâng tiến sản vật địa phương" (Đại Việt sử ký toàn thư). Từ đây, suốt nhiều thế kỷ tiếp theo, Vân Đồn đã thực sự là một thương cảng nhộn nhịp mà lòng đất của nó còn giữ được cho đến hôm nay vô vàn mảnh sử phế thải, có cả nhiều đồ sứ nguyên vẹn rất quý, nhiều tiền cổ Trung Quốc, tiền cổ Việt Nam. Nhiều bến nhộn nhịp thuyền bè xưa lần lượt được phát hiện: Bến Cái Làng, bến Cống Cái, bến Con Quy, bến Cái Cống, bến Cống Yên, bến Cống Hẹp, bến Gạo Rang... và bến Cống Đông với 7 vụng đậu thuyền ăn sâu vào đảo rất tiện lên bờ. Ở những khu thương cảng này, nhà xưa không còn, nhưng dấu tích chùa, đền, đình thì một số nơi vẫn còn. Đó là những nền móng khá lớn như chùa Lãm trên đảo Thừa Cống có khu Tam bảo hình chữ "nhị", lại thêm nhà tổ phía sau làm cho tổng thể có hình chữ "tam", rồi chùa Trong, chùa Cát, chùa Vụng, cây Quáo với những thành bậc cửa chạm lân và gạch chạm rồng đều thuộc phong cách nghệ thuật thời Trần; có cả những dấu tích tháp có nhiều gạch có ghi rõ vị trí từng tầng. Đó cũng là nền móng to lớn của đình Cái Làng và đình Cống Cái. Khi bến Cái Làng nông dần không thuận tiện cho thuyền bè ra vào và đất Cái Làng hẹp không có chỗ làm vườn làm ruộng nữa thì dân Cái Làng cũng chuyển dần sang đất xã Quan Lạn ngày nay, và họ cũng chuyển theo cả đình làng sang nơi ở mới. Đình Quan Lạn ngày nay có toà Đại đình 3 gian 2 chái bề thế nhìn ra vụng nước rộng có đảo ba ngọn làm tiền án Tam thai, phía sau lại có năm đỉnh núi làm hậu Ngũ nhạc. Thượng lương còn ghi ngày dựng cột đặt nóc là ngày mồng 9 tháng 10 năm Canh Tý niên hiệu Thánh Thái 12 tức năm 1900, nhưng phong cách chạm khắc lại cho biết thuộc nghệ thuật nửa đầu thế kỷ XIX, hẳn là những thời điểm làm ở Cái Làng và dựng lại ở Quan Lạn. Câu đầu của hai gian hồi còn ghi những dòng chữ cho biết đến ngày mồng 10 tháng 2 năm Kỷ Mão niên hiệu Bảo Đại tức năm 1939 đình được trùng tu lớn. Lần trùng tu này xây tường bao quanh Đại đình, làm thêm toà Hậu cung và nhà cầu để tổng thể tạo thành chữ "công" khang trang. Năm 1939 đình Quan Lạn được tu sửa vừa và năm nay đang được tu sửa lớn. Như vậy tỉnh Quảng Ninh cho đến hôm nay còn giữ được ba ngôi đình lớn, thì đều ở nơi hải đảo được xem là những cột mốc văn hoá truyền thống: đình Trà Cổ ở điểm địa đầu Tổ quốc, đình Quan Lạn ở Vân Đồn và đình Phong Cốc ở đảo Hà Nam. Mỗi đình một nét riêng do thời gian dựng khác nhau, song tất cả đều mang đậm nét kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam.

Trên đảo Ngọc Vũng vẫn còn đồn Tĩnh Hải xây năm 1839 là đồn binh tiền tiêu để canh gác cho cả ba vùng biển Vân Đồn chống bọn cướp biển quấy phá. Đồn hình vuông, các góc có nhô ra để tiện quan sát và bắn chéo xuống chân thành, mỗi cạnh dài 130m, tường dày tới 3,8m cao 0,95m lại thêm nửa tường ở phía trên giáp mặt ngoài cao 0,8m là một đồn binh kiên cố của thời trung cổ.

Thương cảng Vân Đồn phát triển nhất ở thời Lý - Trần, từ thời Lê sơ với chính sách hạn chế ngoại thương nó trở nên kém sầm uất, đến thời Lê trung hưng với việc tranh thủ nước ngoài của cả chúa Trịnh và chúa Nguyễn, thương cảng được đưa vào trong nội địa với Phố Hiến và Hội An thì vai trò của Vân Đồn bị sa sút hẳn. Tuy nhiên đến thời Nguyễn, một ít thuyền buôn - nhất là của người Trung Quốc vẫn qua lại. Dù sao với tính chất ở ngoài hải đảo, người Vân Đồn rất thạo đi biển, nhiều người nay là những thủy thủ chở hàng sang nhiều nước - nhất là Trung quốc.

Vân Đồn do vị trí ở cửa ngõ của đất nước nên cũng nằm trên đường hành quân quan trọng. Nhà Lý năm 1075 đã sử dụng đường này để đánh sang châu Khâm và châu Liêm cảnh cáo nhà Tống định xâm lược nước ta. Giặc Nguyên tấn công nước ta bằng nhiều mũi, trong đó có một mũi do Ô Mã Nhi cùng Phàn Tiếp chỉ huy 500 chiến thuyền, theo sau là đoàn thuyền lương 100 chiếc do Trương Văn Hổ phụ trách tiến qua Vân Đồn để vào nước ta. Phó tướng Trần Khánh Dư lúc đó được nhà Trần giao bảo vệ biên thủy miền biển đông bắc, trước thế giặc mạnh, ông chỉ đánh cầm chừng nhằm tiêu hao và làm chậm bước tiến của địch, thậm chí chịu thua cho thuyền chiến giặc chủ quan tiến nhanh về phía trước, để rồi chia cắt, bao vây địch, tập trung đánh vào đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ làm tiêu hao sinh lực địch, làm cho địch mất hậu cần lương thực và khí giới. Chiến công xuất sắc ở Vân Đồn đã góp phần vào chiến thắng của dân tộc chống quân Nguyên xâm lược lần thứ 3. Ngày nay nhiều nơi ở Vân Đồn vẫn còn đền miếu thờ Trần Khánh Dư. Một trong những nơi ấy chính là đình Quan Lạn với hội tưởng niệm vào ngày 18 tháng 6 âm lịch hàng năm. Quan Lạn còn có miếu Đức Ông thờ Phạm Công Chính, miếu Sao ơn thờ Phạm Quý Công và miếu Đông Hồ thờ Phạm Thuần Dụng, đó là ba anh em đã chỉ huy những cánh quân của Trần Khánh Dư đánh tiêu hao địch khi chúng qua đây và cả ba đã anh dũng chiến đấu và hi sinh, xác trôi về những nơi mà sau được lập miếu thờ.

Hội Quan Lạn có nhiều nét riêng: ngày 10 tháng 6 khoả làng không ai ra khỏi đảo, chỉ người đi làm ăn xa về dự hội. Từ ngày 11 tháng 6 các giáp tổ chức cai đám cho bé trai sinh ra từ hội năm ngoái đến hội năm nay, mỗi bé phải có một lễ xoi gà trình ở miếu Đức Ông, sau đó về giáp hưởng lộc. Ngày 14 tháng 6 làng vào tiệc, con trai từ 3 tuổi trở lên được công nhận

là thành viên chính thức của làng, cứ 5 người một cỗ thoả sức ăn uống vui say, đây là dịp điểm trai đình để chịu dần trách nhiệm xây dựng cộng đồng lớn mạnh. Ngày 15 tháng 6 hai giáp Đông Nam Văn và Đoài Bắc Võ chuẩn bị hai thuyền rồng bằng mã để hôm sau nghênh thần rước sắc đức Trần Khánh Dư từ nghè về đình chủ trì lễ hội, đồng thời trang trí hai thuyền đánh cá thành thuyền đua của hai giáp, mỗi giáp cử ra 30 tay cầm chèo và chừng 20 người nữa phục dịch, tất cả do một tướng tuổi chừng 65 phong độ đỉnh đạc chỉ huy. Ngày 16 tháng 6 hai giáp Văn - Võ rước thuyền rồng đi nghinh sắc thần từ nghè Trần Khánh Dư về đình rồi làm lễ cầu an cầu phúc cho dân làng. Ngày 17 tháng 6 lễ hội ở đền thờ Đức Ông, đưa hai thuyền đua ra cửa đình, tổ chức nhiều trò vui truyền thống trên sân đình, suốt ngày đêm cả làng nhộn nhịp. Ngày 18 tháng 6 buổi sáng hai bên Văn – Võ vào đình lễ thần xin tiếp nhận binh khí rồi về doanh trại chuẩn bị để buổi chiều chạy bộ dương uy, mỗi khi gặp nhau tại trung tâm (sân đình) thì hò reo và hai tướng múa long đao, tất cả 3 lần. Rồi đua thuyền cũng 3 lần gặp nhau reo hò vang dậy, không phân thắng thua mà chỉ nhằm nhắc lại 3 lần đánh quân Nguyên. Ngày 19 tháng 6 kiểm tra lại các nghi cụ hội, đưa thuyền mã vào cung tế thần rồi mang ra mép nước trước đình làm lễ hoá mã. Ngày 20 tháng 6 một lần nữa dân làng ra miếu Đức Ông làm lễ cầu an, rước sắc thần về nghè đức Trần Khánh Dư, làm lễ đóng cửa đình, kết thúc một mùa hội.

Vân Đồn cảng biển và Vân Đồn chiến trận đã lùi xa trong lịch sử nhưng còn vang vọng trong Vân Đồn hội lễ. Riêng Vân Đồn "tiền rừng bạc biển" thì luôn sống trong đời thường của toàn dân huyện đảo. Biển Vân Đồn êm ả luôn là luồng giao thông thuận tiện, nước có muôn loài cá ngon nổi tiếng; các đặc sản tôm rồng, mực ống, sá sùng, hải sâm, bào ngư được giới sành ăn trọng vọng. Đảo hoang cũng là rừng có nhiều cây to, cây thuốc và chim, thú quý. Nhiều nơi được sóng đại dương dồn cát thuỷ tinh trắng xoá thành từng đồi bãi bạt ngàn. Đảo cũng muôn hình vạn trạng là những kỳ quan của tạo hoá. Đây là cả một tiềm năng kinh tế và tiềm năng du lịch ít đâu sánh được. Phan Huy Chú đã rất chí lý khi đánh giá Vân Đồn "là chỗ phần hoa ở trấn ngoài, mà thật là nơi hình thắng của nước Nam" (Lịch triều hiến chương loại chí).